

# LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

## QUYỂN 88

### Phân Nhiếp Sự, Sự Kế Kinh Hành Lựa Chọn, Thâu Tóm Thứ Nhất

*Đoạn 4:*

Lại nữa, tụng nêu:

*Hai trí cùng sự kia*

*Lạc cùng hành chuyển biến*

*Thỉnh không thỉnh nói kinh*

*Niết-bàn có hai thứ.*

Trí có hai loại:

1. Trí chánh.

2. Trí tà.

Ở đây, trí chánh dựa nơi có sự sanh khởi; trí tà cũng vậy.

Tuy hai trí này cùng dựa nơi có sự, nhưng trí chánh thì nhận lấy sự đúng như thật; trí tà thì phân biệt tà vậy, không nhận lấy sự đúng như thật. Do có tác ý như lý của chánh giáo làm hành trước, nên ở nơi cảnh của đối tượng nhận thức, trí chánh được sanh. Do có tác ý phi lý của tà giáo làm hành trước, nên ở nơi cảnh của đối tượng nhận thức, trí tà được sanh. Không phải là trí chánh sanh, hủy hoại cảnh được nhận thức, chỉ ở nơi cảnh này xả bỏ chấp tà mà khởi trí chánh. Như màu sắc trong bóng tối, lúc đèn sáng sanh không hủy hoại sắc này, chỉ có thể soi chiếu rõ. Nên biết nghĩa ấy cũng lại như thế.

Lại nữa, các hành thuận theo lạc thọ, cùng với tướng vô thường cùng tương ứng. Nếu đến phần vị khổ, bấy giờ gọi là tổn não bức bách. Nếu tới phần vị không khổ không lạc, lúc ấy mới đối với hành khổ gọi là khổ bức thiết. Nếu không đến phần vị kia, tức nên hoàn toàn chỉ thuận nơi lạc thọ, chớ đến các phần vị khác.

Lại, các pháp như sanh, lão v.v... thuận theo các hành thủy đều là khổ. Chúng nếu đến phần vị tật bệnh, gọi là tổn não bức bách. Nếu tới phần vị khổ như sanh v.v..., gọi là khổ bức thiết. Nếu không tới phần vị kia thì ở trong các hành, là chỗ theo đuổi của nhân khổ như sanh v.v..., chớ khiến đến quả vị.

Lại, bản tánh nơi các hành là các duyên sanh, nên không được tự tại, cũng không có chủ đề. Nếu có chủ thể thì tất cả hành kia, tuy tánh là vô thường, nên tùy chỗ vui thích lưu chuyển không dứt, hoặc không khiến sanh, nói rộng cho đến đối với tử.

Lại nữa, có hai thứ Khế kinh:

1. Nhân thỉnh cầu mà thuyết giảng.

2. Không nhân thỉnh cầu mà thuyết giảng.

- Nhân thỉnh cầu mà thuyết giảng: Nghĩa là nếu có hữu tình do các hành cùng giáo ấy mà được điều phục, nhân sự thỉnh cầu kia, vì nhằm chuyển các hành cùng giáo như thế.

- Không nhân thỉnh cầu mà thuyết giảng: Nghĩa là hoặc ở trong hàng trăm chúng kia, dùng vô lượng môn tạo sự thuyết giảng tốt đẹp. Hoặc vì đệ tử ở gần bậc Đại sư là A-nan-đà thưa nói như vậy: Vì khiến cho Chánh pháp được trụ lâu.

Lại nữa, nên biết do ba phần, nên thâm nhận Niết-bàn viên mãn:

1. Do thuận theo sự chỉ dạy, trao truyền.

2. Do quan sát đúng đắn về tất cả hành.

3. Do đoạn trừ vĩnh viễn các phiền não.

- Thuận theo sự chỉ dạy, trao truyền: Tức là ghi, nói, dạy, khuyên, thuộc về thân biến. Đức Như Lai theo chỗ mong muốn, ghi nói về tâm kia, do định ý của mình, dùng ba hành tướng soi chiếu khắp tâm kẻ khác. Hoặc lần lượt, lâu xa khiến tâm vắng lặng. Hoặc tâm vô gián diệt. Hoặc ở nơi đối tượng duyên hiện tại, chuyển tâm. Từ định khởi rồi, theo niệm phân biệt, tư duy định nội thọ nhận tâm kẻ khác. Như chỗ thọ nhận kia, tức ghi như vậy: Ông có tâm như thế: Nghĩa là lâu xa diệt. Ý như thế: Nghĩa là vô gián diệt. Thức như thế: Nghĩa là hiện tại, ở đây căn cứ nơi chủng loại, không căn cứ vào sát na. Tức do ghi, nói như vậy, thân biến làm chỗ dựa, nên ở nơi ba xứ kia mà làm việc dạy khuyên:

1. Ở nơi cảnh giới hiện tiền của xứ hành, mở, thuận cho tác ý như lý, ngăn chặn tác ý không như lý.

2. Ở nơi trụ xứ, ngăn chặn tầm tư bất chánh, mở bày, thuận cho tầm tư chân chánh.

3. Ở nơi xứ Chỉ, Quán siêng năng tu hành: Mở bày, thuận cho khiến

đoạn các hành chưa đoạn, cùng khiến vĩnh viễn được là trói buộc của phiền não, chứng đắc Niết-bàn.

Tuyên thuyết như thế, khiến từ nơi các tùy phiền não của ba xứ, tâm được thanh tịnh. Nghĩa là xứ hành, xứ trụ, xứ dựa.

Lại, quán xét đúng đắn về các hành của quá khứ, hiện tại, vị lai, gọi là chánh quan sát.

Tất cả các hành lại có ba lậu. Ba lậu là trước mà có dục hại. Dục hại là trước mà có tầm tư nhiệt não. Tầm tư nhiệt não là trước mà có truy cầu ưu khổ. Tất cả như thế đều vĩnh viễn đoạn trừ, nên gọi là vĩnh đoạn hết thủy phiền não. Tâm định trụ khéo giải thoát như thế là lạc trụ vô tướng. Lúc không sợ hãi, ở trong hiện pháp, gọi là nhập nơi xứ Bát Niết-bàn viên mãn. Lại dựa vào ba pháp, nương nơi tự nghĩa, gọi là trụ nơi quy y. nương nơi tha nghĩa, gọi là trụ nơi châu, bãi. Những gì là ba? Đó là:

1. Dựa nơi nội, tác ý như lý làm trước nơi pháp tùy pháp hành.
2. Dựa nơi Phật, lắng nghe Chánh pháp được thuyết giảng.
3. Dựa vào bậc Thiện sĩ bên trong gần gũi với Chánh pháp.

Ba pháp như thế, nên biết là hiển thị bốn thứ pháp tạo tác nhiều trong cõi Người: Thân cận bậc Thiện sĩ, lắng nghe Chánh pháp, tác ý như lý, pháp tùy pháp hành.

Lại do ba duyên cùng năm thứ tướng, nên biết là chứng đắc phần Niết-bàn kia. Những gì là ba duyên? Đó là:

1. Nhận biết khắp về Khổ.
2. Thấy rõ các thứ lỗi lầm tai họa của tất cả hành thuận theo Khổ.
3. Vượt quá tất cả Khổ như sâu v.v...

Những gì là năm tướng? Đó là:

1. Nhận biết về chủng loại của Khổ cùng thời gian liên hệ phát sanh sâu não v.v... Đó gọi là nhận biết khắp về tự tánh của Khổ kia.

2. Nhận biết có chủng tử nên pháp kia được sanh. Đó gọi là đối với Khổ kia, nhận biết khắp về tánh của nhân.

3. Nhận biết về cảnh giới của đối tượng tự nhận thức, hành trì. Đó gọi là đối với Khổ, nhận biết khắp về tánh của duyên.

4. Tùy quán chỗ chấp trước ngã cùng ngã sở, đều là các hành có thể thuận theo các Khổ. Đó gọi là đối với Khổ, nhận biết khắp về tánh của hành.

5. Tùy quán những lỗi lầm tai họa của các hành nơi ba đời hệ thuộc cõi Dục, có thể đoạn trừ hết thủy các khổ như sâu não v.v...

Nên biết, do ba duyên, năm tướng này, nên đạt được phần Niết-bàn như vậy. Do sự khổ ái, vì vô thường chuyển biến khiến tâm bị thương buồn lo nên gọi là sầu. Do kẻ kia phát khởi ngôn ngữ thở than, sùi sụt, nên gọi là than. Nhân đây bị đánh đập nên gọi là khổ. Trong lòng ôm giữ oan kết, nên gọi là ưu. Do đây mà mê loạn nên gọi là não.

Lại, do mất mát của cải, vật báu, bệnh tật, không thân thích v.v..., các sự như thế tùy một thứ hiện tiền mới sanh ưu não, gọi là sầu. Do dựa vào đây, nên tiếp theo bèn phát khởi ngôn ngữ bi ai, toàn thân phiền nhiệt, gọi là than. Phần vị khổ vượt hơn sầu than này. Thân phiền nhiệt rồi, trong thiêu đốt, ngoài tĩnh, tâm cũng chưa bình, gọi là phần vị ưu. Qua ngày đầu rồi, hoặc hai, ba, năm, mười ngày đêm, một tháng, do nhân duyên kia, nên ý hãy còn chưa yên, gọi là não.

Lại nữa, kệ nêu:

*Mâm tranh kiến nhiễm lớn  
 Một hướng học, bốn sợ  
 Trong thiện thuyết, ác thuyết  
 Túc trụ niệm sai biệt.*

Do bốn nhân duyên, Đức Như lai không cùng với sự mê loạn của thế gian chung tạo tranh oán, nhưng thế gian kia khởi phân biệt tà vạy, nghĩa là tạo tranh oán. Những gì là bốn nhân duyên? Đó là:

1. Tuyên thuyết về nghĩa của đạo lý.
2. Tuyên thuyết về nghĩa chân thật.
3. Tuyên thuyết về nghĩa lợi ích.
4. Có lúc tùy thuận thế gian chuyển.

Ở đây, Đức Như Lai dựa nơi bốn đạo lý như trước đã nói để tuyên thuyết Chánh pháp. Đó là:

- Đạo lý quán đái.
- Đạo lý tác dụng.
- Đạo lý nhân thành.
- Đạo lý pháp nhĩ.

Do đây, Như lai gọi là bậc Pháp ngữ (Bậc nói pháp). Như lai trọn không cố ý đi đến trú xứ của kẻ khác để mong đây khởi sự tranh biện. Vì sao? Vì do các thế gian đều trái phản với tha nghĩa, tức vì tự nghĩa nên đây khởi tranh luận. Như lai đều cho hết tẩy tha nghĩa tức là tự nghĩa, nên không có chỗ tranh luận, chỉ trừ vì thương xót khiến họ được nghĩa lợi, nên đi đến trú xứ của kẻ khác, vì họ thuyết giảng Chánh pháp. Nhưng các thế gian tà chấp, ngu si điên đảo, vọng cho là tự nghĩa, tha nghĩa mà có sai biệt, nên cùng với Như lai tranh luận. Do nhân duyên

này, nên biết Như lai gọi là “Bậc nói đạo lý”.

Lại nữa, Như lai gọi là “Bậc nói chân thật”. Nghĩa là nếu các bậc thông tuệ của thế gian cùng chấp nhận là có, Như lai đối với sự việc ấy cũng nói là có, tức như tất cả đều là vô thường. Hoặc các bậc thông tuệ của thế gian cùng thừa nhận là không, thì Đức Như lai đối với sự việc ấy cũng nói là không, tức như tất cả các hành đều là thường trụ.

Lại nữa, Đức Như lai gọi là “Bậc nói điều lợi ích”. Nghĩa là các thế gian có những kẻ mù lòa tâm tối, tự họ đối với thế pháp không thể nhận biết rõ. Đức Như lai đối với những trường hợp ấy tự hiện Đăng Giác, vì họ mà mở bày, xiển dương.

Lại nữa, Đức Như lai hoặc có lúc tùy thuận thế gian mà chuyển. Nghĩa là như A-tử-la, Ma-đăng-kỳ v.v... chỉ dựa nơi phần ít sự nghiệp để tự sanh sống, nhưng các người đời vì những vị ấy đã giả lập danh tướng: giàu có lớn, tài sản lớn v.v... Như các người đời kia đã giả lập danh tướng, Đức Như lai cũng tùy theo họ để nói như vậy.

Lại như một sự việc nơi một cõi nước được giả lập danh tướng, thì đối với cõi nước khác, tức nơi sự việc ấy cũng lập danh tướng khác. Đức Như Lai tùy theo sự việc kia cũng nêu bày như thế. Nếu ôm giữ sự tranh oán để dấy khởi tranh oán, tức không được gọi là Bậc nói về đạo lý, Bậc nói chân thật, Bậc nói điều lợi ích, Bậc thuận theo thế gian chuyển. Do gồm đủ bốn thứ nhân duyên như thế, vì vậy nên biết Như Lai là không tranh.

Lại, Đức Phật Thế Tôn tự nhiên quán xét về nghĩa nên hành tác, tuy không thỉnh vấn, nhưng tự tuyên dương hiện pháp Đăng Giác, có thể dùng danh cú văn thân tương xứng để nêu đặt, kiến lập các pháp sai biệt, nói rộng như nơi phần Nhiếp dị môn ở trước. Như vậy, nên biết cho đến gọi là bình đẳng khai thị.

Lại nữa, một nhân hai duyên, khiến mầm của hữu sau sẽ được sanh trưởng. Nghĩa là trong năm phẩm hành, chủng tử của phiền não luôn gắn chặt nơi thức, được gọi là nhân. Bốn thứ thức trụ cũng với nhân tương tự gọi là duyên. Lại do hỷ tham làm tươi nhuận thức kia, khiến đối với các pháp ấy sẽ thọ nhận xứ sanh, kiết sanh nối tiếp, chiêu cảm Tát-ca-da, cũng gọi là duyên.

Ở đây có một hữu tình, do bốn thức trụ thâm nhận làm chỗ dựa. Do hỷ tham nên ở trong hiện pháp luôn tạo tác, tích tập cùng khiến tăng trưởng. Người kia, vào thời gian sau thành A-la-hán, khiến chủng tử của thức thấy đều hủy hoại, hết thấy mầm của hữu vĩnh viễn không được sanh.

Lại nữa, có một hữu tình gồm đủ tất cả trời buộc, siêng năng tu tập hành chân chánh, vui thích Niết-bàn, đối khắp hết thấy các xứ thọ sanh đều khởi tưởng chán nghịch. Người kia, do có đủ trời buộc nên chủng tử không hoại mất. Thức trụ hòa hợp. Nhưng ở nơi các hữu khởi tưởng chán nghịch, nên không hỷ tham. Người kia do tu tập hành chân chánh như thế, nên ở trong hiện pháp có thể đạt Bát-niết-bàn, mầm của hữu sau kia cũng không thể sanh.

Lại nữa, có một hữu tình trụ nơi địa học, đắc quả Bất hoàn, chỉ có các hành của xứ Phi tưởng phi phi tưởng là phần còn lại, nơi định Hữu đánh an trụ đầy đủ. Hết thấy chủng tử của thức kia cũng chưa thấy đều diệt tận, nhưng nơi thức trụ có thể nhận biết rõ khắp, có thể thông đạt khắp. Người kia do sức tăng thượng của quên niệm, nên tham ái của địa trên chỉ còn sót lại phần ít. Là quả Bất hoàn, nên tất cả mầm hữu nơi địa dưới của vị lai không sanh lại nữa. Cùng với đây trái nhau, nên biết tất cả mầm của các hữu sau đều được sanh trưởng.

Lại nữa, tạp nhiễm có hai:

1. Tạp nhiễm của kiến.
2. Tạp nhiễm của phiền não khác.

- Tạp nhiễm của kiến: Là Tát-ca-da-kiến đối với các hành chấp ngã, ngã sở, chuyển theo chấp tà vạy. Do kiến này nên hoặc chấp các hành cho là ngã thật, hoặc chấp các hành cho là ngã sở thật.

- Lại có trường hợp khác: Đây là căn bản nơi kiến thú của các ngoại đạo, là các phiền não hiện có còn lại như tham v.v... Nên biết đó gọi là tạp nhiễm thứ hai.

Lại, tạp nhiễm của kiến, lúc được giải thoát, cũng có thể giải thoát rốt ráo đối với các thứ tạp nhiễm khác, không phải các tạp nhiễm khác khi được giải thoát, tức có thể giải thoát các tạp nhiễm của kiến. Vì sao? Vì do sanh khởi giải thoát ấy là dựa nơi đạo thế gian, cho đến có thể lìa tham dục hiện có của xứ vô sở hữu, đối với các phiền não còn lại của những địa dưới, tâm được giải thoát, nhưng chưa thể thoát khỏi Tát-ca-da-kiến. Do kiến này, nên đối với các hành hiện có của địa trên dưới, đã cùng xen lẫn với tự thể, không thấy có sai biệt, chấp chung là ngã, hoặc chấp là ngã sở. Do nhân duyên ấy, nên tuy lên tới cõi Hữu đánh mà lại thối hoàn.

Nếu đối với tất cả tự thể như thế, nhận biết khắp là khổ, do đạo xuất thế trước đoạn tất cả Tát-ca-da-kiến, sau mới có thể đoạn trừ vĩnh viễn các phiền não còn lại. Do nhân duyên này, tức không còn thối chuyển. Vì thế nên biết, chỉ tạp nhiễm của kiến là tạp nhiễm lớn.

Lại nữa, nên biết do ba thứ tướng, đạo gọi là một nẻo. Nghĩa là đối với địa phàm phu, dùng năm hành tướng quan sát các hành có năm xứ sai biệt. Tức quan sát này, ở trong hai thời, tu trị khiến tịnh, nghĩa là nơi hành hưởng tối địa học cùng địa vô học

Thế nào gọi là năm thứ hành tướng quan sát các hành? Đó là:

1. Quan sát tự tánh của các hành.
2. Quan sát nhân duyên của các hành.
3. Quan sát nhân duyên của tạp nhiễm.
4. Quan sát nhân duyên của thanh tịnh.
5. Quan sát về thanh tịnh.

Lại nữa, nên biết nơi phần vị phàm phu, trước đối với năm xứ, đạt được thiện xảo rồi, sau ở nơi phần vị học, tức đối với năm thứ xứ sở như thế, lại dùng năm thứ hành tướng sai biệt để quan sát, xét kỹ, có thể khiến mau chóng đạt được thông huệ.

Những gì gọi là năm thứ hành tướng? Nghĩa là quán xét các hành, nhân duyên của các hành, nhân duyên tạp nhiễm, nhân duyên thanh tịnh, tịch tĩnh vắng bật, hướng đến nẻo xuất ly của đạo thanh tịnh.

Các hành có vô số chúng, nhiều tánh, đều từ chủng tử sanh khởi, đều đợi duyên khác mới sanh khởi.

Lại nữa, nên biết do bốn nhân duyên, nên đối với hai xứ phát sanh sợ hãi, có thể bị chướng ngại. Những gì là bốn? Đó là:

1. Hoặc ở nơi phần vị này sanh khởi.
2. Hoặc dựa nơi pháp ấy sanh khởi.
3. Hoặc chúng đã sanh khởi như thế.
4. Hoặc hành tướng kia sanh khởi.

- Nơi phần vị này sanh khởi: Tức là ở trong phần vị không phải Thánh sanh khởi, đối với các Thánh để chưa được thiện xảo. Lại, không phải Thánh này, đối với năm xứ sở cũng chưa thiện xảo.

- Dựa nơi pháp ấy sanh khởi: Nghĩa là đối với các hành khởi tướng của hành ta, chấp ngã, ngã sở, dùng Tát-ca-da-kiến làm chỗ dựa để sanh khởi.

- Đã sanh khởi như thế: Nghĩa là do hai thứ biến hoại có sai biệt của các hành nên sanh khởi:

1. Do chỗ biến hoại của duyên khác.
2. Do tự tâm khởi phân biệt tà vạy mà biến hoại.

- Hành tướng sanh khởi: Tức đối với chỗ yêu thích, lo sợ nơi vị lai sẽ biến hoại, nên sanh hành tướng sợ hãi. Đối với sự vật đang biến hoại, khởi hành tướng tổn nã. Nghĩa là ở trong chỗ yêu thích đã biến

hoại, vốn được vui mừng, tôn trọng, sanh khởi hành tướng luyến tiếc. Lại, đối với Niết-bàn, phân biệt về tự thể vĩnh viễn biến hoại, nên khởi hành tướng sợ hãi.

Hành tướng sai biệt như thế, lúc chuyển, đối với kẻ yêu thích Thánh giáo cùng yêu thích Niết-bàn, có thể bị chướng ngại.

- Lại, do hai thứ môn, ở nơi cảnh của đối tượng duyên, từ nơi xứ đã hành, chấp ngã, ngã sở có sai biệt mà chuyển. Nghĩa là suy cầu cũng lãnh nhận, tức kiến cùng thọ.

- nữa, do ba thứ tướng, nên pháp khéo thuyết giảng, pháp không khéo thuyết giảng, ở trong các sự nơi túc trụ tùy niệm, nên biết nhiễm tịnh có sai biệt. Những gì là ba? Đó là:

- Túc trụ tùy niệm của pháp không khéo thuyết giảng, đối với tự tướng cộng tướng của các hành, không nhận biết đúng như thật, nên ở nơi các hành, hoặc hoàn toàn chấp thường, hoặc chấp một phần là thường, hoặc chấp không phải thường, hoặc chấp không nhân.

- Túc trụ tùy niệm của pháp khéo thuyết giảng, do nhận biết đúng như thật nên không phân biệt tà vạy. Đó gọi là hai niệm có sai biệt thứ nhất.

- Lại, pháp không khéo thuyết giảng, tùy dựa nơi định nào phát khởi túc trụ niệm, không thể nhận biết rõ đúng như thật là khổ, liên sanh ái vị. Do ái vị, nên đối với hành quá khứ sanh khởi luyến tiếc sâu xa. Đối với hành vị lai, sanh khởi sự vui thích sâu xa. Đối với hành hiện tại, không thể tu hành chán lìa dục diệt.

Pháp khéo thuyết giảng, nên biết tất cả cùng với các pháp kia là trái nhau. Đó gọi là hai niệm có sai biệt thứ hai.

- Lại, pháp không khéo thuyết giảng, hành tà vạy như thế, nên bị bốn thứ tạp nhiễm làm cho tạp nhiễm, có thể chiêu cảm hữu sau. Những gì gọi là bốn thứ tạp nhiễm? Đó là:

1. Tạp nhiễm của nghiệp.
2. Tạp nhiễm của triền kiến, ngã mạn.
3. Tạp nhiễm của triền ái.
4. Tạp nhiễm của tùy miên kia.

Nếu các nghiệp mới tạo tác tăng trưởng, hoặc các nghiệp cũ thường xuyên tiếp xúc mà không biến đổi, đó gọi là tạp nhiễm của nghiệp. Hoặc đối với các hành phân biệt tà vạy khởi Tát-ca-da-kiến. Nơi hữu tình khác, dùng các Sa-môn Bà-la-môn cùng với mình đối chiếu, cho mình là hơn, hoặc bằng hoặc kém. Đó gọi là tạp nhiễm của triền kiến, ngã mạn. Đối với trong, ngoài dấy khởi tạp nhiễm, ở trong hành



ái nên biết về tướng. Đó gọi là tạp nhiễm của triền ái. Ở trong sự nối tiếp ba phẩm Kiến, Ngã mạn, Ái, thô trọng luôn theo đuổi, đó gọi là tạp nhiễm của tùy miên kia.

Bốn thứ như thế, gồm sáu chung làm hai, là nghiệp, phiền não. Phiền não lại có hai, là triền và tùy miên.

Ở trong các hành, trước khởi chấp tà, sau sanh tham vương: Do sức tăng thượng của hai thứ ấy, nên tuy lại có tạp nhiễm của phiền não khác nhưng chỉ giữ lấy chúng. Từng ấy phiền não ở trong các hành không đối chiếu với kẻ khác, tự khởi chấp tà, được gọi là kiến. Đối chiếu nơi kẻ khác, gọi là ngã mạn. Chấp tà như vậy là phẩm Vô minh. Do đấy làm trước để phát khởi tham chấp, gọi là phẩm Ái. Do hai thứ phiền não căn bản ấy, nên ở trong sanh tử lưu chuyển không dứt.

Nếu trong pháp Tỳ-nại-da khéo thuyết giảng, tu hành đúng đắn, có thể đoạn trừ bốn thứ tạp nhiễm như thế, ở trong hiện pháp có thể Bát Niết-bàn. Lại do đấy nên có thể trụ nơi Niết-bàn viên mãn rất ráo. Nếu không như vậy, thì hãy còn không thể trụ nơi phần Niết-bàn kia, hưởng hồ là đạt rất ráo. Đó gọi là hai niệm có sai biệt thứ ba.

Lại, ở trong đó, kiến cùng ngã mạn gọi là nhìn cao. Ái gọi là khổi. Vì sao? Vì ở trong các hành, bị kiến, ngã mạn che ngăn, không nhận biết đúng như thật về thể tướng của các hành, tánh vốn xấu kém, đối với thân Người, Trời, cùng các vật dụng của họ, cho là cao, hơn. Thế nên hai thứ ấy gọi là nhìn cao.

Ái cũng như khổi, khiến tâm nhiều loạn không được an ổn, do đó gọi là khổi.

Lại nữa, tụng nêu:

*Không chán bỏ không dục  
Không loạn hỏi, ghi tướng  
Chướng, kỳ lạ, không nhân  
Hủy, thuần nhiễm, cùng sau.*

Có hai thứ tin, nhưng không xứng hợp với chỗ tạo tác của người tin. Những gì là hai? Đó là:

1. Tin của người tại gia: Tin có Niết-bàn, cùng tánh của tất cả hành là vô thường. Nhưng đối với các hành không quán về lỗi lầm tai họa, không trụ nơi chán lìa, không biết nẻo xuất ly mà thọ dụng chúng.

2. Người có tịnh tín, lìa bỏ pháp nhà, hướng đến đời sống không nhà. Những người này đối với Niết-bàn không thể an trụ với sự mong muốn mãnh liệt. Không dùng sự mong muốn ấy làm chỗ nương dựa để thường siêng tu tập pháp thiện hiện có, ở trong hiện pháp không Bát

Niết-bàn.

Cùng với đây trái nhau, nên biết là xứng hợp với chỗ tạo tác của người tin tưởng.

Lại nữa, ở trong nội pháp, lược có hai thứ gồm đủ thông minh. Nếu có người tịnh tín, hoặc các ngoại đạo lúc tìm đến thỉnh vấn, có thể ghi nhận không loạn. Tức là dựa nơi Trung đạo, ở trong các hành, khi hỏi về sanh diệt, không thêm về hữu tình, không bớt về sự thật. Chỉ ở nơi các hành an lập sanh diệt không loạn mà ghi nhận.

Hoặc lập hữu tình có sanh có diệt. Đó gọi là một biên, là biên tăng ích. Hoặc lập sanh diệt đều không thật có, là biên thứ hai, tức biên tổn giảm. Chỉ ở nơi các hành an lập sanh diệt, đó gọi là Trung đạo, xa lìa hai biên. Do đó, hoặc có thể “ký biệt” như thế, là khéo ký biệt, Như Lai tán thán.

Hoặc lại có ngôn thuyết: Do nhân duyên nào, nên đối với Sa-môn Kiều Đáp Ma đã tu tập phạm hạnh. Nếu có được câu hỏi ấy, nên ghi nhận như trước, xa lìa hai biên tăng ích và tổn giảm, dựa nơi Trung đạo để ghi nhận, gọi là ký biệt không loạn.

Hoặc cho là hữu tình tu tập nhiếp tịnh, đó gọi là một biên, là biên tăng ích. Hoặc cho tất cả đều không tu tập, là biên thứ hai, tức biên tổn giảm. Hoặc vì các hành, chán lìa dục diệt mà tu tập, đó gọi là Trung đạo, xa lìa hai biên. Thế nên, ghi nhận này gọi là ký biệt không loạn, gọi là khéo ký biệt. Nên biết ký biệt này được chư Phật khen ngợi.

Lại nữa, pháp có hai loại:

1. Hữu vi.
2. Vô vi.

Ở đây, hữu vi là tánh vô thường. Ba tướng hữu vi nêu đặt có thể đạt được:

1. Sanh.
2. Diệt.
3. Tánh trụ, dị.

Ba tướng như thế dựa nơi hai thứ hành lưu chuyển để an lập:

1. Dựa nơi sanh thân lần lượt lưu chuyển.
2. Dựa nơi sát na lần lượt lưu chuyển.

- Dựa nơi lưu chuyển thứ nhất: Nghĩa là ở trong chúng đồng phận của các hữu tình kia, mới sanh gọi là sanh, chung cuộc mất gọi là diệt. Trung gian của hai thứ kia, là các phần vị như hài nhi v.v... được lập là tánh trụ, dị. Cho đến thọ mạng trụ, gọi là trụ. Các phần vị càng về sau thì chuyển biến sai biệt, gọi là tánh trụ dị.

- Dựa vào lưu chuyển thứ hai: Nghĩa là các hành kia nơi từng sát na, sát na thay đổi mà sanh, gọi là sanh. Sau sát na sanh không trụ gọi là diệt. Chỉ sanh sát na trụ nên gọi là trụ. Tánh dị có hai:

1. Tánh dị của tánh dị.

2. Tánh dị chuyển biến.

- Tánh dị của tánh dị: Là các hành tương tự nối tiếp mà chuyển.

- Tánh dị chuyển biến: Là các hành không tương tự nối tiếp mà chuyển.

Không phải tánh dị này lia tướng trụ, ngoài ra có thể riêng có thể đạt được. Thế nên hai thứ gồm thâu chung làm một, thiết lập một tướng. Cùng với đây trái nhau, nên biết là ba tướng của vô vi thường trụ.

Lại nữa, nên biết tu tập tư lương của Niết-bàn, lược có ba chương:

1. Dựa nơi sự nghiệp lớn, của cải, vật báu đầy đủ, hành nhiều phóng dật.

2. Không có các bậc thiện tri thức tạo phương tiện để hiểu dụ.

3. Chưa nghe Chánh pháp, chưa được Chánh pháp, hốt nhiên gặp phải duyên tử phi thời mạng yếu.

Cùng với đây trái nhau, nên biết là không chương ngại, cũng có ba thứ.

Lại, các Thánh giả, lúc sắp mạng chung, lược có hai thứ tướng của Thánh giả. Nghĩa là lúc lâm chung, các căn lắng trong, tịch tĩnh, mong được Phật thọ ký.

Do hai thứ tướng, nên Phật vì tất cả Thánh giả quá khứ ký biệt. Chẳng tánh của Thánh tánh đầy đủ, nên chỉ thọ ký vật loại. Ta đã nhận biết rõ về pháp cùng tùy pháp. Pháp tức là chánh kiến, trước hành Thánh đạo. Nói tùy pháp: Là dựa nơi pháp kia, lắng nghe âm thanh của người khác, tác ý như lý.

Lại, ta chưa từng não loạn nơi chốn nương dựa của Chánh pháp: Nghĩa là vì nghĩa này, nên Đức Như lai “cáo mệnh”, cùng vì nghĩa này nên có chỗ tuyên thuyết, cho đến vì khiến cho các lậu vĩnh viễn dứt hết. Kể kia do pháp này nên đã dứt được hết các lậu.

Lại nữa, chư Phật Như lai lược có hai thứ pháp hết sức kỳ diệu, ít có: Nghĩa là người chưa tin khiến tin. Người đã tin rồi khiến tăng trưởng, mau chóng ở nơi Thánh giáo khiến được ngộ nhập. Tức là tướng Đại sư, hoặc tướng giáo pháp, hoặc tướng đã chứng đắc đức bậc nhất. Đối khắp mười phương với âm thanh hay đẹp đã xưng tụng, tán thán rộng lớn, không đâu là không đầy đủ. Lại có thể trừ bỏ luận nói không nhân,

cùng luận nhân ác, thâm nhận tất cả luận thuyết nhân chánh. Vì sao? Vì luận nói không nhân cùng luận nhân ác, các bậc thông tuệ, thẳng giải về xứ nương dựa hãy còn không muốn đi đến nẻo thiện Trời, Người, cùng vui thích giải thoát, hưởng chi là các hạng khác. Nên chỗ hưởng nhập nơi luận nói nhân chánh, nên biết về tướng là cùng với các thứ kia trái nhau.

- Tướng Đại sư: Nghĩa là Đức Bạc-già-phạm là bậc Như lai Ứng Chánh Đẳng Giác, cho đến Thế Tôn, giải thích rộng như nơi phần Nhiếp dị môn ở trước.

- Tướng giáo pháp: Tức là thuyết giảng Chánh pháp, đầu giữa sau đều thiện, cho đến nói rộng, nên biết cũng như nơi phần Nhiếp dị môn.

- Tướng chứng đắc đức bậc nhất: Nghĩa là đối với hết thảy đời này đời khác tự nhiên thông đạt, hiện Đẳng Chánh Giác, cho đến nói rộng. Ở đây, cõi Dục gọi là đời này, cõi Sắc, Vô sắc gọi là đời khác. Hai đời hiện tại, quá khứ khác biệt. Nên biết đó gọi là sai biệt thứ hai.

Không do thấy, nên gọi là tự nhiên. Sáu thứ thông huệ hiện chứng đắc nên gọi là tác chứng. Đối với các hữu tình là tối thượng đệ nhất, nên gọi là viên mãn. Tánh bậc nhất này tự nhiên nhận biết, hiển bày, chỉ rõ cho kẻ khác nên gọi là khai thị.

Lại nữa, do hai thứ tướng, nên luận không nhân, ở trong các hành, chấp là không nhân chuyển. Nghĩa là, nhân duyên sanh khởi, nhân duyên diệt tận nơi các hành không nhận biết rõ: Do đây sanh nên các hành kia sanh. Do đây diệt nên các hành kia diệt. Nơi hai sự này không thể chứng đắc.

Lại, không chứng đắc tánh tướng của các hành, khởi kiến như thế, lập luận như thế. Có là nhất định có. Không là nhất định không. Không chẳng thể sanh. Có chẳng thể diệt. Tức luận này ở trong ba phần vị, hiện có thể chứng đắc các hành sanh diệt, cùng chỗ thông tỏ về tất cả thế gian với hiện lượng thô cạn, hủy báng, trái nghịch. Vì sao? Vì hiện thấy nhân duyên hòa hợp của nam nữ hiện có nơi các nhà như hoặc Sát đế lợi, hoặc Bà-la-môn, Phệ-xá v.v..., hoặc quá tám tháng, hoặc chín tháng rồi liền sanh nam, nữ. Như thế là sanh rồi hoặc có một loại, sẽ vào lúc ấy thọ mạng hết, yếu mạng.

Lại có một loại, cho đến thọ mạng trụ, ứng phó để sống còn. Hoặc phần vị khổ hoặc lạc, hoặc không khổ không lạc thọ có sai biệt. Tâm, các tâm pháp, đều là đổi thay mới mẻ, không phải là xưa cũ.

Lại nữa, lược có hai thứ tự khen ngợi mình, chê bai kẻ khác. Nghĩa

là chỉ ngôn ngữ cùng thuyết pháp hành chân chánh.

Nếu chỉ là ngôn ngữ mà tự xưng tán, chê bai kẻ khác: Người kia chỉ do nơi pháp không phải bậc Thiện sĩ, vậy buộc nơi tâm. Đó gọi là tự hủy báng, chớ không phải là hiền thiện thù thắng.

Nếu do thuyết pháp hành chánh hành: Tuy không khen, chê, nhưng là tự khen ngợi, chê bai kẻ khác đích thực.

Lại, chư Như lai tuyên thuyết Chánh pháp, mau chóng có thể diệt trừ hai thứ vô trí. Nghĩa là nghe pháp không chân chánh, sanh thắng giải, cùng trong thời gian dài tích tập vô trí kiên cố, cùng không phải quen gần lâu sanh vô trí.

Lại do “câu sanh” không thể nhận biết rõ đường đi đến nẻo thiện, cùng không nhận biết rõ có thể đi tới đạo Niết-bàn của hiện pháp.

Lại nữa, nên biết có mười một thứ tướng, gồm thâu chung các hành lập làm hành tụ. Nên biết nghĩa của tụ là nghĩa của uẩn.

Lại, do hoàn toàn là sức tăng thượng của nhân duyên tạp nhiễm nên kiến lập thủ uẩn. Nên biết thủ uẩn chỉ là hữu lậu.

Lại, do hai sức tăng thượng của nhân duyên tạp nhiễm, thanh tịnh nên kiến lập uẩn chung, nên biết uẩn ấy là chung cho hữu lậu, vô lậu.

Lại, do ba tướng, nên ở trong các hành, phiền não sanh khởi:

1. Chỗ dựa.
2. Đối tượng duyên.
3. Trợ bạn.

Lại nữa, tụng nêu:

*Thiếu dục tự tánh cùng ký ba  
Tự Chánh pháp nghi xứ sở nghi  
Không khởi biến hoại, đại sư ký  
Ba kiến đủ ngoài, và tướng ngu.*

Do ba thứ tướng, nên tâm của Như lai hội nhập trong trụ thiếu dục:

1. Do bấy giờ sự hóa độ rất ráo, vì muốn an trụ nơi hiện pháp lạc trụ.
2. Do đệ tử đối với môn chánh hành có thể chán bỏ sâu xa.
3. Vì hóa độ, dẫn dắt nên thường vui thích tạo tác nhiều sự việc nơi hữu tình được giáo hóa.

Lại, như trước đã nói, tất cả nhân duyên khiến Đức Như lai nhập nơi Thiên trụ tịch tĩnh. Nên biết ở đây cũng lại như thế.

Lại nữa, các đối tượng được hóa độ, lược có ba thứ tánh đã điều phục:

1. Tánh ngu si phóng dật.
2. Tánh của tâm hết sức thấp kém.
3. Tánh có thể tu tập hành chân chánh.

Lại nữa, do bốn thứ tướng, nên ở nơi bốn xứ sở, sanh cung kính trụ, mau chóng chứng đạt vô thượng:

1. Đối với chỗ nên chứng đắc, sanh khởi sự mong muốn mãnh liệt.
2. Đối với phương tiện đạt được pháp tùy pháp hành, sanh yêu thích mãnh liệt.
3. Đối với trụ xứ của bậc Đại sư, sanh yêu kính mãnh liệt.
4. Đối với pháp được thuyết giảng, sanh tịnh tín mãnh liệt.

Lại nữa, có ba thứ vô thượng:

1. Trí diệu vô thượng.
2. Hành chân chánh vô thượng.
3. Giải thoát vô thượng.

- Trí diệu vô thượng: Là trí tận, trí vô sanh, trí chánh kiến vô học.

- Hành chân chánh vô thượng: Là lạc tốc thông hành.

- Giải thoát vô thượng: Tức là giải thoát tâm không động.

Nên biết ở đây là nói chung về trí đoạn nơi hiện pháp lạc trụ. Trí diệu hữu học, hành chánh, giải thoát, không gọi là vô thượng, cũng như hữu thượng. Nên biết tất cả hành của A-la-hán đều được gọi là “Lạc tốc thông hành”. Hết thấy mọi thứ thô trọng đều vĩnh viễn biệt. Hết thấy việc cần làm đã làm xong.

Dựa nơi Bồ đề phần để lựa chọn các hành, nên ở trong hai thời, do bốn thứ tướng, đã nhận biết khắp đúng như thật về Tát-ca-da-kiến. Tức ở trong hai thời không gián đoạn chứng đắc các lậu vĩnh viễn dứt hết.

Thế nào là hai thời? Đó là:

1. Tại địa phàm phu.
2. Tại địa kiến.

Thế nào là do bốn thứ tướng? Tức:

1. Do tự tánh.
2. Do xứ sở.
3. Do đẳng khởi.
4. Do quả.

- Do tự tánh: Nghĩa là tự tánh của các hành, tức Tát-ca-da-kiến cùng năm thứ hành, kẻ kia chấp là ngã hoặc là ngã sở.

- Do xứ sở: Tức là cảnh của đối tượng duyên.

- Do đẳng thức: Là vô minh thuộc về kiến thủ, tiếp xúc sanh thọ

làm duyên cho ái. Đây lại có năm duyên khởi theo thứ lớp. Nghĩa là, vô số tánh của Giới làm duyên, sanh vô số tánh của xúc. Vô số tánh của xúc làm duyên, sanh vô số tánh của thọ. Vô số tánh của thọ làm duyên, sanh vô số tánh của ái. Vô số tánh của ái làm duyên, sanh vô số tánh của thủ.

Phàm là duyên sanh, thể tất là vô thường.

- Do quả: Nghĩa là nơi ba thời, Tát-ca-da-kiến đều có thể làm chướng ngại:

1. Thời dựa nơi vô ngã xét kỹ về pháp nhãn.
2. Thời hiện quán.
3. Thời chứng đắc A-la-hán.

Ở đây, thời 1, do sức tăng thượng của Tát-ca-da-kiến nơi tùy miên kia, nên có hoặc có nghi. Do tu tập nhiều, quán xét kỹ về pháp nhãn làm nhân duyên, nên tuy đối với nghi, hoặc ít có thể trừ bỏ hẳn, nhưng nơi sự tu tập, lúc hiện quán đế, do ý lạc nên e sợ đối với Niết-bàn, ngã sẽ không có.

Do sức tăng thượng của tùy miên Tát-ca-da-kiến này, nên ở trong các hành khởi phân biệt tà vạy, tức cho ngã sẽ đoạn, sẽ hoại, sẽ không, nên đối với Niết-bàn phát sanh kiến đoạn cùng kiến vô hữu. Do nhân duyên này, nên đối với Bát Niết-bàn, tâm kia thối lui, không vui thích hưởng nhập.

Kể kia, vào thời khác, tuy từ lỗi lầm ấy, tịnh tu nơi tâm, lại đối với Thánh đế đã được hiện đế, nhưng cho ta là có thể chứng đế hiện đế. Kể kia, nơi mạn này, do tùy miên nên chưa có thể lìa. Lại thường xuyên gián đoạn do quên niệm, nên quán ngã khởi mạn, nhân nơi triền mạn này có sai biệt mà chuyển, cho ta là hơn, hoặc bằng hoặc kém. Trong hai phần vị trước, do sức của tùy miên nên có thể tạo ra chướng ngại. Đối với phần vị thứ ba, do sức của tập khí nên có thể tạo ra chướng ngại. Lại do ba duyên nên các hành sanh trưởng:

1. Do sức của nghiệp phiền não nơi đời trước.
2. Do sức của nguyện.
3. Do sức của các nhân duyên hiện tại.

Đối với địa phàm phu có thể nhận biết khắp, nên ở trong địa kiến, không gián đoạn, có thể chứng đắc các lậu vốn do kiến đạo đoạn trừ đã vĩnh viễn dứt hết. Ở trong địa kiến có thể nhận biết khắp nên tiếp theo là đoạn trừ các kiết còn lại, đắc A-la-hán, nối tiếp chứng đắc các lậu vĩnh viễn dứt sạch.

Lại nữa, do năm thứ tướng, nên ở trong các hành, hỏi, ghi như lý.

Những gì là năm? Đó là:

1. Tự tánh.
2. Căn bản của lưu chuyển, hoàn diệt.
3. Hoàn diệt.
4. Lưu chuyển.
5. Phương tiện của lưu chuyển, hoàn diệt.

- Tự tánh: Nên biết là tự tánh của năm thứ như sắc v.v...

- Căn bản của lưu chuyển, hoàn diệt: Nghĩa là dục. Do pháp thiện dục, cho đến có thể chứng đắc các lậu hoàn toàn dứt sạch. Thế nên dục này gọi là căn bản của hoàn diệt. Nếu do dục ấy, nguyện ta sẽ được loại thấp trong nẻo Người, cho đến sẽ sanh trong chúng đồng phạm của cõi Trời Phạm Chúng. Do nơi tâm ấy, thân cận tu tập, tu tập nhiều, nên được sanh lên cõi kia. Vì thế, dục này gọi là căn bản của lưu chuyển.

- Hoàn diệt: Ở trong các hành, chính là dục tham thủ được đoạn dứt. Nếu tức các hành là tánh của thủ, nên không thể diệt, do A-la-hán cũng còn có các hành hiện có thể đạt được. Hoặc khác với các hành có tánh của thủ, nên là vô vi, vô vi nên thường, cũng không thể diệt. Do đó, tánh của thủ chỉ thuộc về một phần của các hành, tức một phần này đã được đoạn dứt, rốt ráo không hành nên có thể hoàn diệt.

- Lưu chuyển: Lại có ba thứ:

1. Nhân của hữu sau.
2. Phẩm loại khác biệt.
3. Nhân của hiện tại.

- Nhân của hữu sau: Nghĩa là như có một hữu tình nguyện mong muốn tạo các nghiệp nơi vị lai. Kể ấy khởi niệm: Nguyện cho ta đời sau sẽ thành tựu hành ấy. Do nhân duyên này nên có thể dẫn phát nhân sanh các hành của hữu sau, không dẫn nơi hiện tại. Kể kia, đối với hiện tại không thể dẫn, nên thiết lập các hành chỉ có hai loại.

- Phẩm loại khác biệt: Là phẩm loại của các hành có mười một thứ, như trước đã nói, nên biết.

- Nhân của hiện tại: Tức bốn đại chủng là nhân của sắc được tạo. Tâm pháp như thọ v.v..., do xúc làm duyên. Các thức hiện có, danh sắc làm duyên.

- Phương tiện của lưu chuyển: Nghĩa là Tát-ca-da-kiến làm chỗ dựa, nên ở trong các hành phát sanh ngã mạn, cùng các ái vị nơi ngã kiến, ngã sở kiến.

- Phương tiện của hoàn diệt: Tức là đối với các hành, xa lìa ngã mạn, cùng lỗi lầm của kiến, và nẻo xuất ly là không có ngã, ngã sở.



Lại, phương tiện của lưu chuyển, là phẩm vô minh, ái, theo chỗ ứng hợp, nên biết về tướng của chúng.

Phương tiện của hoàn diệt: Là sự đối trị các thứ kia.

Lại do hai duyên, nên các đệ tử Thanh văn không thông tuệ, trái vượt giáo pháp của bậc Đại sư, rơi vào trong ác kiến, hoặc dấy khởi ngôn thuyết. Những gì là hai duyên? Đó là:

1. Ngu đối với Thế tục đế.
2. Ngu đối với Thắng nghĩa đế.

Do ngu này nên trái vượt hoàn toàn với lý của Thế tục đế, cùng trái vượt hoàn toàn với lý của Thắng nghĩa đế, nơi hành lưu chuyển tư duy không đúng đắn.

Lại nữa, nơi ba thứ xứ, chỉ là các Thánh giả, theo chỗ vui thích, có thể ghi nhận đúng như thật, không phải là các phàm phu, trừ việc theo kẻ khác lắng nghe. Nghĩa là trong các hành, ngã kiến, ngã sở kiến về ngã không như thật. Nếu pháp kia làm chỗ dựa, có ngã mạn chuyển thì các thứ kia tuy đã đoạn, nhưng hết thảy ngã mạn ấy chưa đoạn. Nếu không khởi, dựa, ngã mạn không bị đoạn như đã hiện hành. Nên biết ở đây có hai thứ ngã mạn:

1. Đối với các hành chấp trước hiện hành.
2. Do mất niệm nên đột nhiên hiện hành.

Trong ấy, ngã mạn chấp trước hiện hành, Thánh giả đã đoạn, không hiện hành nữa. Ngã mạn thứ hai do tùy miên, nên tuy Tát-ca-da-kiến đã lại vĩnh viễn đoạn trừ, vì đối với Thánh đạo chưa khéo tu tập, nên vẫn còn khởi hiện hành. Tát-ca-da-kiến chỉ có tập khí là luôn gắn chặt, vào lúc mất niệm, có thể cùng với ngã mạn làm chỗ nương dựa, nên tạm hiện hành. Do đó, mạn này cũng gọi là chưa đoạn cũng được hiện hành.

Lại, các Thánh giả, nếu đối với các hành, tư duy về tự tướng, hãy còn khiến cho ngã mạn không hiện hành trở lại, hướng chỉ là còn quán xét về cộng tướng. Hoặc đối với pháp giả tác ý tư duy, trụ nơi chánh niệm, cũng khiến cho ngã mạn không được hiện hành. Hoặc đối với pháp giả tác ý tư duy, không trụ nơi chánh niệm, bấy giờ ngã mạn liền được hiện hành. Hoặc các phàm phu, tuy đối với các hành, tư duy về cộng tướng, hãy còn bị ngã mạn loạn tâm tương tục, hướng hồ là trụ nơi phần vị khác.

Lại, Tát-ca-da-kiến, trong sự nối tiếp của bậc Thánh, tuy tùy miên cùng triền đều đã đoạn dứt hết, nhưng ở trong quả vị hữu học, do tập khí gắn chặt, nên chưa thể vĩnh viễn đoạn trừ. Hoặc các tùy miên và triền

của ngã mạn đều chưa có thể đoạn trừ. Lại chấp về ngã dục, nên biết tức là thuộc về triền của ngã mạn. Vì sao? Vì do mất niệm, nên đối với dục, đối với định đã bị các thứ ái vị làm cho chìm nổi, dựa nơi môn dục ấy, các triền của ngã mạn thường xuyên hiện khởi.

Nói chưa đoạn: Là do nơi tùy miên. Nói chưa nhận biết khắp là do nơi triền. Hành giả kia, bấy giờ có quên niệm.

Nói chưa diệt: Là tuy đối với triền ấy tạm được xa lìa, liền lại hiện hành.

Nói chưa loại bỏ hẳn: Là do tùy miên kia chưa vĩnh viễn nhổ sạch.

Lại nữa, bậc đồng phạm hạnh, đối với trụ xứ của bậc đồng phạm hạnh khác, lược có hai thứ thăm hỏi:

1. Hỏi về bệnh khổ.
2. Hỏi về an lạc.

Các loại thăm hỏi với những ngôn từ sai biệt, như nơi địa Thanh văn, trong phần nói về ăn uống cần biết về lượng đã giải thích. Nên biết hỏi ấy ở trong bốn phần vị:

1. Phần bên trong bị bức.
2. Phần bên ngoài bị bức não.
3. Phần trụ về tâm.
4. Phần trụ về ngày.

Lại nữa, như có thuyết nói, các A-la-hán, ở trong hiện pháp, đối với vật dụng ăn uống cần cho uẩn xứ giới, hoặc thuận không thuận, không nhận biết như thật.

Nói A-la-hán không thuận là không thuận nơi phân biệt hư vọng không như lý, không phải A-la-hán không thuận nơi hiện pháp. Vì sao? Vì A-la-hán ấy, đối với vật dụng ăn uống cần cho uẩn xứ giới, hiện có thể thấy. Do nhân duyên ấy, các A-la-hán, đối với trường hợp sau diệt độ nọ, không thuận các hành, không rõ về chấp trước. Do đó, Đức Thế Tôn nói A-la-hán là kẻ không thuận, nhất định là mật ngữ. Nên biết đây là kiến tợ Chánh pháp. Do uy lực của hai thứ nghĩa làm duyên, các vị đồng phạm hạnh hoặc Đại Thanh văn, vì nhằm đoạn dứt chỗ sanh khởi “kiến tợ Chánh pháp” như thế, đã tạo công dụng hết mực, cho khiến người kia hoặc tự nêu bày, hoặc chỉ rõ cho kẻ khác. Do nhân duyên ấy, sẽ bị đọa vào nẻo thấp kém nhất. Hoặc do ái kính Thánh giáo của Như lai, chớ nhân nơi “kiến tợ Chánh pháp” như thế, khiến Thánh giáo của Phật mau chóng bị mai một.

Lại có hai nhân, có thể sanh khởi “kiến tợ Chánh pháp” như thế:

1. Bên trong, Tát-ca-da-kiến chưa có thể vĩnh viễn đoạn trừ.

2. Dựa vào đấy, vọng chấp về sĩ phu lưu chuyển, hoàn diệt.

Vì để đoạn trừ hai thứ nhân như thế, nên nói hai Chánh pháp dùng làm đối trị. Nghĩa là đối với các hành thứ lớp tuyên thuyết về vô thường, vô ngã. Ở trong bốn trường hợp suy cầu về sĩ phu lưu chuyển, hoàn diệt đều không thể thủ đắc. Tức dựa nơi hữu vi, hoặc dựa nơi vô vi, ngã của Thanh văn, Độc giác, Phật, Thế Tôn gọi là Như lai. Nên biết ngã này có hai thứ giả lập: Trong Hữu dư y giả lập hữu vi, trong Vô dư y, giả lập vô vi.

Nếu dựa nơi thắng nghĩa phi hữu vi, phi vô vi, cũng phi vô vi, phi hữu vi. Do nêu bày giáo pháp chân chánh như thế, nên đối với sáu thứ tướng giác ngộ lúc sanh khởi, nên biết đã đoạn trừ vĩnh viễn “kiến tợ Chánh pháp”. Nghĩa là A-la-hán đối với pháp diệt hoại thuộc về chỗ dựa, nên giác ngộ về vô thường. Ở trong hiện pháp, là các thứ khổ như già, bệnh v.v..., nên giác ngộ là khổ. Đối với nẻo diệt tự nhiên nơi cõi đoạn, cõi lìa cùng với cõi diệt, giác ngộ là diệt, tịch tĩnh, trong mát cùng vĩnh viễn vắng bật. Nếu gồm đủ sự giác ngộ chân chánh như thế, là A-la-hán. Tăng thượng mạn tà vạy cùng hành với vọng tưởng hãy còn không thể có, hướng hồ là đối với trường hợp sau diệt độ kia, hý luận chấp trước hoặc thuận, không thuận. Nên biết chưa đoạn trừ Tát-ca-da-kiến, có hai lỗi lầm tai họa:

1. Đối với các hành có khổ, có thể não hại, đã chấp ngã, ngã sở. Do nhân duyên ấy, nên có thể chiêu cảm khổ não lớn của sanh tử lưu chuyển.

2. Đối với hiện pháp, có thể gây chướng ngại cho mạng căn của Thánh huệ vô thượng.

Lại nữa, các nhóm ngoại đạo, đối với xứ sở của hai thứ pháp luật thuộc nội giáo, đã ngu si nghi hoặc. Những gì là hai? Đó là, Đức Phật, Thế Tôn đã bác bỏ kiến chấp hữu kiến và vô kiến, nhưng đối với đệ tử, sau khi qua đời, ghi một có sanh, ghi một không sanh. Lại nói về ngã thường trụ của thắng nghĩa, hiện pháp, đương lai đều không thể thủ đắc. Đời có ba sự hiện có thể đạt được:

1. Thường luận.
2. Đoạn luận.
3. Như lai.

Nghi hoặc này có hai thứ nhân: Nên biết như trước nói về “kiến tợ Chánh pháp”, có hai thứ giáo pháp có thể đoạn trừ nhân ấy, cũng như trước nói do hai nhân duyên, tức ở đây nói về tánh của pháp vô ngã. Các ngoại đạo kia khó nhập, khó rõ, nghĩa là tự tánh này khó nhận biết

rõ, nên tuy tướng mạo ấy dễ có thể nhận biết rõ, nhưng tướng mạo kia không tương tự. Nên biết ở đây, nghĩa không hư dối, nghĩa tự chứng đắc, là nghĩa không chung. Tự tánh kia khó có thể ngộ nhập, tức thể của tự tánh ấy là rất sâu xa, giống như rất sâu xa hiện bày, thế nên gọi là nghĩa không hư dối.

Lại, tự tánh ấy, nơi bên trong khó thấy. Từ ngôn âm của kẻ khác cũng khó nhận biết rõ, do đó gọi là nghĩa tự chứng đắc.

Lại, tự tánh ấy không phải là đối tượng tầm tư của kẻ tầm tư, không phải là cảnh giới nơi đối tượng hành của người suy lường, vì thế nên gọi là nghĩa không chung.

Lại, tức pháp vi diệu này là chỗ chứng đắc từ bên trong của bậc trí thông sáng, xét kỹ, nên gọi là khó rõ. Các thứ sai biệt ở đây, nên biết như nơi phần Nhiếp dị môn ở trước đã nói. Do hai thứ tướng, nên tất cả nghĩa Như Lai đã thuyết giảng, trí đều nên nhận biết rõ. Những gì là hai? Đó là:

1. Trí giáo.

2. Trí chứng.

- Trí giáo: Là huệ do Văn-Tư-Tu tạo thành của các phàm phu.

- Trí chứng: Là huệ của bậc hữu học, vô học, cùng các huệ thế gian đạt được về sau.

Ở đây, hàng phàm phu không phải đối với tất cả nghĩa do Phật thuyết giảng, đều có thể nhận biết rõ. Cũng không phải đối với mạn xét biết là mạn, lại chưa có thể đoạn trừ. Hoặc các vị hữu học không phải ở trong tất cả nghĩa của ngã kiến đều không nhận biết rõ, lại có thể đối với mạn xét biết là mạn, mà chưa có thể đoạn. Hoặc các bậc vô học có thể tạo tác tất cả.

Lại nữa, chư Phật, Như lai, đối với Thế tục đế cùng Thắng nghĩa đế đều nhận biết đúng như thật, chánh quán nơi hai thứ kia, theo đạo lý không nên ký biệt. Nếu ký biệt, có thể dẫn đến vô nghĩa. Không ký biệt cũng không chấp trước, nghĩa là đối với trường hợp “sau diệt độ”, hoặc có hoặc không, cũng có cũng không, phi có phi không. Nếu đối với trí kiến như thế của Như lai, là trước không ghi. Nghĩa là kẻ vô trí, nên biết là tự hiển bày vọng kiến cùng hành với tánh vô trí.

Lại nữa, nên biết lược có hai thứ biến hoại:

1. Biến hoại của các hành già cõi, suy kém. Nghĩa là như có một hữu tình sống đến 120 tuổi nên hình tướng suy yếu. Do nhân duyên ấy, nên gọi là thân già bệnh.

2. Biến hoại của tâm sâu não: Do nhân duyên này nên gọi là tâm

giả định.

Biến hoại thứ nhất, hoặc ngu hoặc trí đều ở trong ấy, không theo sự mong muốn của mình. Biến hoại thứ hai, người trí ở trong đó có thể tùy theo chỗ mong muốn của mình, không phải là các kẻ ngu.

Lại, các kẻ ngu, nếu thân già bệnh, nên biết tâm của họ nhất định cũng thuận theo sự già bệnh ấy. Còn người có trí, thân tuy già bệnh nhưng tâm tự tại, không tùy theo già bệnh. Đó gọi là ở đây, ngu trí có sai biệt.

Lại nữa, khéo nhận lấy pháp do Văn, Tư, khéo tư duy do tu huệ, khéo hiển bày rõ, như tánh hiện có, khéo thông tỏ là trọn hết tánh hiện có, do hai thứ tướng, nên các Thánh đệ tử có thể thỉnh văn đúng đắn bậc Đại sư khéo thọ ký, nghĩa là đối với các thủ, luận bàn, đoạn trừ, nhận biết khắp. Những gì là hai tướng? Đó là:

1. Đối với các thủ ấy, luận bàn, đoạn trừ, nhận biết khắp.
2. Vì các thủ ấy, luận bàn, đoạn trừ, nhận biết khắp.

Nên biết ở đây, đối với tất cả hành, luận bàn, đoạn trừ, nhận biết khắp, đó là Đức Như lai.

Lại, các thủ này, nếu chưa đoạn dứt theo Quán, chúng có ba thứ lỗi lầm tai họa. Nếu đã đoạn dứt theo Quán, chúng có ba thứ công đức:

1. Ở trong các hành sanh khởi các hành thủ, nếu biến hoại liên sanh sâu não v.v... Nên biết đó gọi là lỗi lầm tai họa thứ nhất nơi các hành đã được tạo tác bị biến hoại.

2. Ở trong các hành đã sanh khởi các thủ, vì được, chưa được các hành hợp ý, nên vào lúc truy cầu, hành rộng không phải một mà là rất nhiều thứ bất thiện sai biệt. Do sự truy cầu hành bất thiện ấy, nên trụ nơi bốn thứ khổ:

- Một là: gần gũi với chỗ khởi sắp hiện tiền.
- Hai là: hiện ở nơi chỗ khởi đang hiện tiền.
- Ba là: chỗ khởi do sự bức bách tăng thượng của kẻ khác.
- Bốn là: chỗ khởi do tạp nhiễm tăng thượng của chính mình.

Nên biết đó gọi là lỗi lầm tai họa thứ hai.

3. Tức do pháp ác bất thiện như thế, ái tập làm nhân, nên sau khi thân hoại mạng chung, phải đi đến các nẻo ác. Nên biết đó gọi là lỗi lầm tai họa thứ ba.

Cùng với đấy trái nhau, là ba thứ công đức thắng lợi đối với các thủ được đoạn trừ theo Quán, như chỗ ứng hợp nên biết.

Lại nữa, nên biết lược có ba thứ Thánh giả, ba kiến viên mãn nên có thể vượt khỏi ba khổ.

Thế nào gọi là ba thứ Thánh giả? Đó là:

1. Chánh kiến đầy đủ. Nghĩa là phần vị phạm phu đối với pháp không điên đảo, vô ngã nhận, trụ.

2. Đã thấy Thánh đế. Đã có thể hưởng nhập chánh tánh ly sanh. Đã nhập hiện quán, đã đạt đến quả, trụ nơi bậc hữu học.

3. Đã chứng đắc quả A-la-hán bậc nhất, rốt ráo sau cùng, trụ nơi quả vị vô học.

Thế nào gọi là ba kiến viên mãn? Tức:

1. Kiến viên mãn của Thánh giả thứ nhất tùy thuận nơi vô lậu, hữu lậu.

2. Kiến viên mãn của vô lậu chưa khéo thanh tịnh.

3. Kiến viên mãn của vô lậu khéo thanh tịnh.

Ba viên mãn này dựa nơi ba thứ hữu tình đã nêu, theo thứ lớp như trước nên biết.

Thế nào gọi là vượt qua ba thứ khổ? Nghĩa là kiến viên mãn thứ nhất có thể vượt qua ngã kiến tranh chống của ngoại đạo, sanh khởi các khổ.

Kiến viên mãn thứ hai, có thể vượt khỏi các khổ của tất cả nẻo ác.

Kiến viên mãn thứ ba, có thể vượt khỏi tất cả các khổ của hữu sau.

Ở đây, thế nào gọi là ngã kiến tranh chống của ngoại đạo, sanh ra các khổ? Nghĩa là, ngoài Chánh pháp Tỳ-nại-da này, vô số dị đạo hiện có nơi thế gian đều do Tát-ca-da-kiến làm căn bản, sanh khởi hết thảy kiến thú điên đảo. Như thế, tất cả được gọi chung là ngã kiến. Nghĩa là luận về ngã, luận về ngã tương ứng với hết thảy kiến thú. Hoặc tất cả thường luận. Hoặc một phần thường luận. Hoặc luận không nhân. Hoặc luận về biên vô biên. Hoặc luận đoạn diệt. Hoặc luận hiện pháp Niết-bàn, luận ấy tương ứng với hết thảy kiến thú. Hoặc luận về hữu tình, luận ấy tương ứng với tất cả kiến thú. Nghĩa là các tà kiến bác bỏ cho không có tất cả hữu tình hóa sanh, phỉ báng đời khác. hoặc luận về mạng, luận ấy tương ứng với hết thảy kiến thú. Tức luận về mạng, cho mạng là thân hoặc khác với thân v.v... Hoặc luận cát tường, luận ấy tương ứng với hết thảy kiến thú. Nghĩa là vô số tà kiến như bói toán, bói cỏ thi, lịch số v.v... vọng cho tụng chú, thờ cúng lửa v.v... sẽ đạt được cảnh giới khả ái, có thể sanh an lành, có thể đoạn trừ vô nghĩa. Lại cho xem tướng là lành, không lành. Các thứ kia lại là thế nào? Nghĩa là hai mươi trường hợp Tát-ca-da-kiến làm chỗ nương dựa, phát khởi sáu mươi

hai thứ kiến thú ác, chấp về biên vực trước, sau v.v..., cùng khởi tất cả tà kiến hủy báng chung.

Thế nào là tranh chống sanh khởi các khổ? Nghĩa là ngã kiến kia lần lượt thấy đục trái nhau, cùng đẩy tranh luận, phát khởi vô số khổ của tâm sâu não, khổ của ái sâu được cất giữ, khổ do hơn kém cùng đối nhau, khổ của chấp trước sâu dày. Nên biết ở đây, nếu kẻ khác hơn mình liền sanh sâu não. Đó gọi là khổ thứ nhất. Nếu hơn kẻ khác, bèn tạo phương tiện, khiến phẩm kiến của mình lại càng tăng thịnh, khiến phẩm kiến của kẻ khác lại dần ẩn mất, chỉ có ngã kiến là tịnh, không phải các kiến khác. Tà kiến chấp trước, khởi yêu giữ sâu xa, do nhân duyên này, nên phát sanh vô số tâm tư bất chánh cùng khởi vô số ý không tịch tĩnh, tổn hại nơi tâm, gọi là khổ thứ hai. Do sức tăng thượng của tà kiến yêu giữ, nên lấy kẻ khác so sánh với mình, cho mình là hơn hoặc bằng hoặc thua. Nhân nơi việc tự đề cao, khinh miệt kẻ khác. Đó gọi là khổ do hơn kém cùng đối nhau, là khổ thứ ba.

Kẻ kia dựa nơi đây nên truy cầu lợi dưỡng, tức là truy cầu chỗ tiếp xúc của khổ, phạm có chỗ tạo tác đều là não loạn.

Luận vấn nạn kẻ khác cùng với tự luận nhằm thoát khỏi vấn nạn của kẻ khác. Đó gọi là khổ thứ tư: Khổ chấp trước sâu, chặt.

Bốn thứ như thế gọi là kiến tranh chống sanh khởi các khổ.

Phàm phu của nội pháp an trụ nơi thắng giải vô ngã phẩm thượng, nên biết là đã đoạn trừ các khổ như thế. Vì sao? Vì các kẻ kia, đối với vị lai, do ý lạc, nên ở nơi các kiến thú ác như vậy đều có thể gắng trừ diệt hết. Do đó, hoặc trụ nơi kiến viên mãn thứ nhất, có thể vượt khỏi khổ thứ nhất. Lại, tức dựa nơi kiến viên mãn thứ nhất ấy, thân cận tu tập, tu tập rất nhiều, đối với các hành bên trong phát sanh pháp trí. Nơi các thứ không hiện thấy phát sanh loại trí. Gồm thân chung làm một trụ, do không duyên nơi trí khác mà nhập hiện quán. Nghĩa là do hành vô thường, hoặc tùy một hành khác, người kia bấy giờ có thể tùy thuận chứng đắc kiến viên mãn thứ hai, cùng có thể vượt khỏi khổ thứ hai. Người kia trụ ở đây rồi, như trước đã được bả pháp giác phần, gần gũi tu tập, tu tập rất nhiều, tức có thể đoạn trừ bốn thứ tạp nhiễm như nghiệp đã nói ở trước, có thể tùy thuận chứng đắc kiến viên mãn thứ ba, vượt khỏi khổ của hữu sau.

Ở đây, hữu tình thứ nhất cũng còn lại hai khổ, cùng thân khổ là chỗ dựa của tàn dư nơi hiện tại. Hữu tình thứ hai chỉ còn lại một khổ cùng thân khổ là chỗ dựa. Hữu tình thứ ba, hết thấy khổ đều dứt, chỉ dựa nơi thân khổ tạm thời còn lại, ví như huyễn hóa.



Lại, dựa nơi Tát-ca-da-kiến phân biệt, lập hai mươi câu (trường hợp), không dựa nơi câu sanh.

Lại, nội pháp không hành như thế, mà dựa nơi định Biến xứ. Nghĩa là địa là ngã, ngã tức là địa, cho đến nói rộng, tất cả nên biết.

Lại nữa, các nhóm ngoại đạo, lược có năm thứ tướng của kẻ ngu tối. Do các tướng ấy, nên rơi vào số lượng của kẻ ngu:

1. Các ngoại đạo thuộc tánh thông tuệ, hãy còn không tránh khỏi việc ôm giữ kiêu mạn về thông tuệ, hướng chi là kẻ không thông tuệ. Đó gọi là tướng thứ nhất của kẻ ngu.

2. Lại, các ngoại đạo phần nhiều vì tham cầu lợi dưỡng, sự cung kính, nên tự tán thán, chê bai kẻ khác. Đó gọi là tướng thứ hai của kẻ ngu.

3. Lại, các ngoại đạo, nếu các bậc Thánh vì họ thuyết giảng Chánh pháp, chánh giáo cùng những khuyên răn chánh đáng, tức liền chống trái, hủy báng. Đó gọi là tướng thứ ba của kẻ ngu.

4. Lại, các ngoại đạo vui thích tự nêu bày luận tợ Chánh pháp, hoặc chỉ rõ cho kẻ khác. Đó gọi là tướng thứ tư của kẻ ngu.

5. Lại, các ngoại đạo, tuy được Như Lai, đệ tử của Như Lai hàng phục, cũng nhận biết Pháp-Luật do Như Lai giảng nói là chân thiện, nhận biết Pháp-Luật của mình là vọng ác, nhưng do sức tăng thượng của ngã mạn, nên đều không tin, nhận, cho đến không tích tập nhân duyên quán xét. Đó gọi là tướng thứ năm của kẻ ngu.

Lại nữa, Đức Như Lai thành tựu sáu phần, được gọi là Sư tử vương của luận Vô gián. Những gì là sáu? Nghĩa là đầu tiên đi đến trụ xứ của ngoại đạo địch luận, cho đến tự ý đưa ra câu hỏi về tất cả nghĩa. Phạm chỗ dấy khởi luận không phải vì tranh luận. Chỉ trừ do thương xót các hữu tình, kẻ chưa tin khiến sanh tin, kẻ nếu đã tin rồi khiến càng thêm tăng trưởng.

Lại, khi dấy khởi luận, các căn tịch tĩnh, hình sắc không đổi, cũng không sợ hãi vì tập khí theo đuổi, lại chung cuộc không bị chur Thiên, thế gian vượt hơn, chế phục. Hết thủy luận giả vô địch của thế gian nếu có thể vượt qua, chỉ bằng một lần, thì chỉ nói một lần, đều có thể hàng phục.

Lại, các vị rất thông tuệ của thế gian, đạt vô úy hết mực, nếu lúc cùng với Đức Như lai khởi luận, thì mọi biện tài hiện có thủy đều trở nên lúng túng, gượng ép, sợ hãi tăng thêm, thân tâm bị bức bách, các thứ thủ thuật hư trá nơi ngôn luận đều không thể nêu đặt.

Lại, tất cả đại chúng trong cùng một xứ hội tọa, đều ở nơi chỗ Phật



dấy khởi tâm thắng kẻ khác, nên đối với địch luận của ngoại đạo kia đều dấy khởi tâm thắng kẻ khác.

Lại, Đức Phật Thế Tôn, ngôn từ biện giải luôn có uy lực, nghiêm túc, còn kẻ địch luận thì ngôn từ xuất phát không có uy lực, nghiêm túc.

Lại nữa, có hai thứ luận. Đó là:

1. Luận hữu ngã.
2. Luận vô ngã.

Luận vô ngã có lực, luận hữu ngã không lực. Luận hữu ngã thường bị luận vô ngã hàng phục, chỉ trừ khi luận giả uy lực yếu kém.

Thế nào gọi là luận hữu ngã? Nghĩa là như có một hữu tình khởi kiến như thế, lập luận như thế, đối với hành như sắc v.v... kiến lập làm ngã. Tức là ngã có hành, hành là ngã sở, ngã ở trong hành không trôi không tan, theo khắp chi tiết, không nơi nào là không đến. Thế nên, các hành như sắc v.v... tánh là ngã. Dựa nơi ruộng của các hành, sanh phước phi phước, nhân đầy lãnh nhận quả ái chẳng ái. Ví như nông phu, dựa vào ruộng tốt để thực hiện các công việc nhà nông, cùng trồng trọt các thứ cỏ thuốc, cây cối. Đó gọi là luận hữu ngã.

Thế nào gọi là luận vô ngã? Nghĩa là có hai loại:

1. Luận phá ngã.
2. Luận lập vô ngã.

- Luận phá ngã: Nếu cho thật ngã có thể có tác dụng, ở trong các nghiệp của quả ái, phi ái được tự tại, thì ngã này lúc nào cũng thích lạc, chán khổ. Do đó, ngã này chỉ nên sanh phước, không sanh phi phước. Lại, tác dụng của ngã thường hiện tiền nơi các hành trong ngoài. Nếu lúc biến hoại, không nên phát sanh sầu ưu buồn than. Lại, ngã là thường, do nhận biết làm trước. Phạm chỗ sanh khởi, luôn nên tùy chuyển, không có biến đổi. Nhưng đều không thể đạt được. Như thế gọi là luận phá hữu ngã.

- Luận lập vô ngã: Do tất cả hành từ các duyên sanh, nếu gặp duyên phước thì phước liền sanh khởi. Cùng với đấy trái nhau là sanh khởi phi phước. Do đây làm duyên, nên có thể chiêu cảm tất cả quả ái phi ái. Dựa nơi các duyên nên đều là vô thường, chỉ ở nơi các hành lưu chuyển thuộc về nhân quả như thế, giả lập ngã v.v... Nếu dựa nơi thắng nghĩa thì tất cả các pháp đều là vô ngã. Như vậy gọi là luận lập vô ngã.

Lại nữa, do năm thứ tướng, nên hai loại hữu học, vô học có sai biệt. Nghĩa là các vị vô học đã thành tựu trí gọi là vô thượng. Hết thấy

vị hữu học đã thành tựu trí, gọi là hữu thượng. Như trí vô thượng, nên biết hành chân chánh cùng với giải thoát vô thượng cũng vậy.

Lại, các vị vô học, dùng huệ nhãn của các Thánh hoàn toàn thanh tịnh quán xét về Pháp thân của Phật. Chư vị hữu học thì không thể như thế.

Lại, chư vị vô học, dùng hành không điên đảo khéo viên mãn để phụng sự Như lai. Các vị hữu học thì không như thế. Đó gọi năm tướng.

\*

\*\*